

Số: 335/YC-TTYT

Sông Cầu, ngày 28 tháng 3 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế thị xã Sông Cầu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Cung ứng vật tư y tế năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế thị xã Sông Cầu.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Hoài Liên, Phụ trách Khoa Dược-Trang thiết bị-Vật tư y tế, điện thoại 0982007014, email khoaduocbvsc@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Cách tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: 02 Phạm Văn Đồng, khu phố Long Hải Bắc, phường Xuân Yên, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.
- Nhận qua email: khoaduocbvsc@gmail.com.
- Nhận qua Fax: không.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h ngày 01 tháng 4 năm 2024 đến trước 17h ngày 11 tháng 4 năm 2024 (*Thời gian tiếp nhận báo giá tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải*).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

Gói thầu số 01: Cung ứng vật tư tiêu hao

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, qui cách	Đơn vị tính	Đơn giá
-----	----------------------	--------------	----------------------	-------------------	---------

1	Film khô 20cm x 25cm (8x10 in) dùng cho máy in kỹ thuật số Konica	Dùng cho máy in kỹ thuật số Konica. Hộp 125 tấm	Tấm	
2	Giấy đo điện tim 3 cần	giấy đo điện tim 3 cần, khổ giấy 80mm x 20 m	Cuộn	
3	Giấy đo điện tim 6 cần	Giấy đo điện tim 6 cần, khổ giấy 110mm x 140mm x 143 tờ.	Tập	
4	Giấy in nhiệt (dùng cho máy nước tiểu)	Kích thước: 57mmx30mmx12mm	Cuộn	
5	Giấy siêu âm	Giấy siêu âm, khổ giấy 110mm x 20m	Cuộn	
6	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 26Gx1/2', 25G x 1".	Cái	
7	Bơm tiêm 3ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 3ml, cỡ kim 23G, 25G.	Cái	
8	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 23G, 25G.	Cái	
9	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml, cỡ kim 23G, 25G.	Cái	
10	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G, 25G.	Cái	
11	Bơm tiêm 50ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml	Cái	
12	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa 50ml	Cái	
13	Kim cánh én	Số 23G-25G.	Cây	
14	Kim chích máu	hộp 100 cái	Cái	
15	Kim lấy thuốc (các số)	Kim các số 14,16,18;18x1/2; 20x1/2; 22; 25, Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim.	Cây	
16	Kim nha khoa dài	27G x 1.3/16 (0,40 x 30mm)	Cây	
17	Kim nha khoa ngắn	27G x 1.3/16 (0,40 x 21mm)	Cây	

18		Kim châm cứu các số 3	đường kính từ 0.25 đến 0.30 x dài 30mm	Cây	
		Kim châm cứu số 6	đường kính 0.30x dài 75mm.	Cây	
22		Kim đầu bằng (kim cây chỉ)	đường kính 0.35 x 45 mm.	Cây	
23		Kim chọc dò và gây tê tùy sống	Các số : (25G x 3.1/2"); (27G x 3.1/2")	Cây	
24		Kim luồn tĩnh mạch	các số: 14G, 18G, 20G, 22G, 24G	Cây	
25		Dao mổ các số	từ số 10 tới số 15	Cái	
26		Tay dao mổ điện	Gói 1 cái	Cái	
27		Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0, sợi chỉ dài $\geq$ 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26-30 mm	Tép	
28		Chỉ tan chậm tự nhiên số 3/0	Chỉ tan chậm tự nhiên số 3/0, sợi chỉ dài $\geq$ 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm	Tép	
29		Chỉ tan chậm tự nhiên số 4/0, kim tròn	Chỉ tan chậm tự nhiên số 4/0, sợi chỉ dài $\geq$ 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 20-26 mm	Tép	
30		Chỉ tan chậm tự nhiên số 5/0	Chỉ tan chậm tự nhiên số 5/0, sợi chỉ dài $\geq$ 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 15-17 mm	Tép	
31		Chỉ Polyglycolic acid số 1	Chỉ Polyglycolic acid số 1, sợi chỉ dài $\geq$ 90cm, kim tròn 1/2C dài 40mm.	Tép	
32		Chỉ Polyglycolic acid số 2/0	Chỉ Polyglycolic acid, số 2/0, sợi chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm.	Tép	
33		Chỉ Polyglycolic acid số 3/0	Chỉ Polyglycolic acid, số 3/0, sợi chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm.	Tép	
34		Chỉ Polyglactin 910 số 1	Chỉ Polyglactin acid số 1, sợi chỉ dài $\geq$ 90cm, kim tròn 1/2C	Tép	

			dài 40mm.		
35		Chỉ Polyglactin 910 số 3/0	Chỉ Polyglactin acid số 1, sợi chỉ dài $\geq$ 90cm, kim tròn 1/2C dài 40mm.	Tép	
36		Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0 kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0, sợi chỉ dài $\geq$ 75 cm, kim tam giác, dài 26 mm	Tép	
37		Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0 kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0, sợi chỉ dài $\geq$ 75 cm, kim tam giác 3/8 C, dài 18 mm	Tép	
38		Chỉ không tan tự nhiên Silk số 4/0 kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 4/0, sợi chỉ dài $\geq$ 75 cm, kim tam giác 3/8 C, dài 18 mm	Tép	
39		Chỉ nylon số 2/0 kim tam giác	Chỉ (Nylon) số 2/0, sợi chỉ dài $\geq$ 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 26 mm.	Tép	
40		Chỉ nylon số 3/0 kim tam giác	Chỉ (Nylon) số 3/0, sợi chỉ dài $\geq$ 75 cm, kim tam giác 3/8C, chiều dài kim từ 20 mm đến 26 mm.	Tép	
41		Chỉ nylon số 5/0 kim tam giác	Chỉ (Nylon) số 5/0, sợi chỉ dài $\geq$ 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 16 mm	Tép	
42		Đầu cole vàng	Thẻ tích 200 μ l	Cái	
43		Đầu cole xanh	Thẻ tích 1000 μ l	Cái	
44		Lọ đựng nước tiểu	Lọ nhựa 50ml, có nhãn	Lọ	
45		Lọ lấy đàm	Lọ nhựa 50ml, có nắp vô trùng	Lọ	
46		Ống hút nước bọt	Gói 100 cái	Gói	
47		Ống mào dẫn Haematokrit	75mm/75 μ l. Lọ 100 ống	Lọ	

48		Ống nghiệm EDTA Sequestrene	đường kính 12-13 mm x 7.5 -8cm	Ống	
49		Ống nghiệm heparin	đường kính 12-13 mm x 7.5 -8cm	Ống	
50		Ống nghiệm Serum	có chứa hạt nhựa Polystyrene	Ống	
51		Ống nghiệm trắng	ống nghiệm nhựa 5ml	ống	
52		Sample cup	5ml, Bì 1000 cái	cái	
63		Bông thấm nước	bì 1Kg	kg	
64		Bông không thấm nước	bì 1Kg	kg	
65		Gạc phẫu thuật ô bụng	khô 30cm x 40cm x 6 lớp, Đã tiệt trùng	Cái	
66		Gạc phẫu thuật	10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	Cái	
67		Gạc y tế vô trùng	Gạc y tế vô trùng 5cm x 6,5cm x 12 lớp	Cái	
68		Gạc hút y tế	khô 0,8m-1m	Mét	
69		Gạc Vaseline	Vải lưới không thấm nước, dung dịch vaselin đặc, đã tiệt trùng	miếng	
70		Băng bột bó 10cm x 2,7m - 4,5m	10cm x 2,7m - 4,5m	Cuộn	
71		Băng bột bó xương 15cm x 2,7m - 4,5m	cuộn 15cm x x 2,7m - 4,5m	Cuộn	
72		Băng keo lụa 1,25cm x 5m	cuộn 1,25cm x 5m	Cuộn	
73		Băng keo lụa 2,5cm x 5m	cuộn 2,5cm x 5m	Cuộn	
74		Băng keo lụa 5cm x 5m	cuộn 5cm x 5m	Cuộn	
75		Băng keo chỉ nhiệt	1,2cm x 50-55m	Cuộn	
76		Băng thun 3 mox	10cm x 3m	Cuộn	
77		Băng thun có keo 10cm x 4,5m	cuộn 10cm x 4,5m	Cuộn	
78		Băng y tế	7cm x 2,5m	Cuộn	
79		Băng rôn	Cái	Cái	
80		Dây truyền dịch + kim cánh bướm	20 giọt/ml	sợi	
81		Dây truyền dịch có kim thường	20 giọt/ml	sợi	

82		Dây truyền máu	sợi	sợi	
83		Dây nối bơm tiêm điện	140cm x 0,9ml	sợi	
84		Khoá 3 chạc không dây	cái	cái	
85		Khoá 3 chạc có dây	dây dài 25cm	cái	
86		Airway các số	Cái	Cái	
87		Bộ hút điều hoà kinh nguyệt	Bộ	Bộ	
88		Bộ Mask thở khí dung người lớn, Trẻ em	Các số M, L, XL.	Bộ	
89		Dây hút đàm	Các số 5, 6,8,10,12,14,16,18.	Cái	
90		Dây Oxy 2 nhánh sơ sinh, trẻ em	Bì 1sợi	Sợi	
91		Dây oxy 2 nhánh người lớn	Các cỡ XS, S, M, L.	sợi	
93		Mask thở Oxy + dây	Size SX, S, M, L, XL.	Bộ	
94		Ống đặt nội khí quản có bóng	Từ số 3 đến số 8.	Ống	
95		Ống đặt nội khí quản không bóng	Từ số 2 đến số 4,5.	Ống	
96		Ống hút điều kinh	Ø 4, Ø 5, Ø 6	Cái	
97		Ống hút nhót có van	Các số 8, 10, 12, 14, dài 50cm	Ống	
99		Sonde dạ dày	các số 6, 8, 10, 12, 14, 16	sợi	
100		Sonde Foley 1 nhánh	các số	Sợi	
101		Sonde Foley 2 nhánh	các số 12->30	cái	
102		Sonde Rectal các số	sợi	Sợi	
103		Găng tay dài (sản khoa) chống dính	hộp 50 đôi	đôi	
104		Găng tay phẫu thuật tiết trùng	số 7-7,5-8	Đôi	
105		Găng tay rời	Size S, M, L.	Đôi	
106		Túi đựng nước tiểu 2000 ml	Bì 10 túi	Túi	

107	Túi lấy máu (túi đơn) 250ml	Túi đơn 250ml	Túi	
108	Túi đo lượng máu sau sinh	70cm x 105cm	túi	
109	Khẩu trang y tế	Hộp/ 50 cái	Cái	
112	Bao vải máy đo huyết áp các size	Cái	Cái	
113	Bóng đèn hồng ngoại	Cái	Cái	
114	Bột rửa tay phẫu thuật	Cái	Cái	
115	Cân sức khỏe	Cái	Cái	
116	Dây Garô	Sợi	Sợi	
117	Đèn lưỡi gỗ	Hộp 100 cái	Que	
119	Đèn tiêu phẫu (đèn gù)	cao 170 cm	Cái	
120	Điện cực dán	Bì/ 50 cái	Cái	
121	Đồng hồ Oxy	Cái	Cái	
123	Huyết áp kế người lớn	Cái	Cái	
124	Huyết áp cơ người lớn + ống nghe		bộ	
125	Huyết áp nhi	Cái	Cái	
126	Kéo cắt chỉ	Cái	Cái	
127	Kéo cắt lọc đầu nhọn	Cái	Cái	
128	Kẹp rôn	Cái	Cái	
130	Nhiệt kế y học (Thủy ngân)	Hộp/ 1 cái	Cái	
132	Núm cao su máy đo điện tim ECG	Bộ	Bộ	
133	Ống cắm pen Inox	Cái	Cái	
134	Ống nghe	Cái	Cái	
135	Vòng tránh thai chữ T	cái	cái	
136	Lam góc mờ (lam nhám)	72 cái/hộp	hộp	
138	Bóng đèn máy sinh hóa tự động cho máy sinh hóa tự động Teco	bóng Halogen	cái	

Gói thầu số 02: Cung ứng hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán invitro

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, qui cách	Đơn vị tính	Đơn giá
1		CHLORHEXIDINE GLUCONATE 4%	Can ≥ 5 lit	Can	
2		Viên ngậm sát khuẩn	2,5g chứa Natri Dichlorosocyanurate khan 50% (Troclosense Sodium). Lọ 100 viên	viên	
3		Gel siêu âm	Bình ≥ 5 kg	Bình	
4		APTT: Hóa chất định lượng thời gian đông máu APTT sử dụng cho máy Đông máu bán tự động	01 bộ trong 01 hộp	Hộp	
5		Fibrinogen: Hóa chất xác định nồng độ fibrinogen trong huyết tương sử dụng cho máy Đông máu bán tự động	01 bộ trong 01 hộp	Hộp	
6		PT: Hóa chất đo thời gian prothrombin (PT) sử dụng cho máy Đông máu bán tự động	01 bộ trong 01 hộp	Hộp	
7		Dung dịch pha loãng (Isotonac 3 hoặc tương đương)	Bình ≥ 18 lít	Bình	
8		Dung dịch rửa (Cleanac hoặc tương đương)	Thùng ≥ 5 lít	Thùng	
9		Dung dịch ly giải (Hemolynac 3N hoặc tương đương)	Chai ≥ 500 ml	Chai	
10		Dung dịch rửa trong trường hợp đặc biệt (Cleanac- 3 màu tím hoặc tương	Bình ≥ 5 lít	Bình	

		đương)			
11		Máu chuẩn sử dụng cho máy huyết học	$\geq 2\text{ml}$	Lọ	
12		Determin HIV 1/2	Độ nhạy: 99% - Độ đặc hiệu: 99,75%.	Test	
13		Test nhanh chẩn đoán HIV thể hệ 3 (HIV 1/2 3.0)	Độ nhạy: 99% - Độ đặc hiệu: 99,8%.	Test	
14		Hóa chất xét nghiệm nồng độ cồn trong máu	01 bộ trong 01 hộp	Hộp	
15		ASLO Latex	Hộp ≥ 100 test	Test	
16		Test nhanh chẩn đoán viêm gan B, HBsAg W/B (máu toàn phần)	Độ nhạy: $> 99\%$ - Độ đặc hiệu: $> 99\%$.	Test	
17		Test nhanh chẩn đoán giang mai (Syphilis 3.0)	Độ nhạy: 99,3% - Độ đặc hiệu: 99,5%	Test	
18		Test nhanh phát hiện kháng nguyên Dengue NS1, chẩn đoán sốt xuất huyết	Độ nhạy: 92,8% - Độ đặc hiệu: 98,4%.	Test	
19		Que Spatula		Que	
20		Que thử đường huyết sử dụng được cho máy Accu - Chek (Active)	Hộp ≥ 50 que	Que	
21		Que thử đường huyết sử dụng được cho máy EZ-TRUST BG 1000	Đạt tiêu chuẩn GMP, ISO, FDA, CE; Hộp/50 que	Que	
22		Que thử nước tiểu 10 thông số	Hộp ≥ 100 que	Que	
23		Que thử thai	Hộp/1 que	Que	
24		Test nhanh chẩn đoán viêm gan C thể hệ 3 (HCV)	Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 99,4%	Test	
25		Test thử chất gây nghiện 4 chỉ số (MET, THC, MOP,	Test	Test	

		MDMA)			
26		Anti A	Lọ $\geq 10\text{ml}$	Lọ	
27		Anti AB	Lọ $\geq 10\text{ml}$	Lọ	
28		Anti B	Lọ $\geq 10\text{ml}$	Lọ	
29		Anti D	Lọ $\geq 10\text{ml}$	Lọ	
30		Hóa chất định lượng ALT/SGPT cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
31		Hóa chất định lượng Amylase cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
32		Hóa chất định lượng Liquid (AST) cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
33		Hóa chất định lượng Direct Bilirubin cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
34		Hóa chất định lượng Urea cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
35		Hóa chất định lượng Total Bilirubin cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
36		Hóa chất định lượng Cholesterol cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
37		Hóa chất định lượng Creatinine cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
38		Hóa chất định lượng Glucose Oxidase cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	

39		Hóa chất định lượng Total Protein cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
40		Hóa chất định lượng Triglyceride cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
41		Hóa chất định lượng Uric Acid cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
42		Hóa chất mẫu chuẩn mức 2 Multi Calibrator cho máy sinh hóa tự động	≥ 5 ml	lọ	
43		Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho máy sinh hóa tự động	≥ 5 ml	lọ	
44		Cuvet dùng cho máy sinh hóa (Ống nghiệm chứa mẫu) cho máy sinh hóa tự động	Các cuvette tương thích: 5 mm x 6 mm x 25 mm; dẫn quang 5 mm; 900 ml. 250 cái /thùng, 2,500 lỗ	thùng	
45		Hóa chất định lượng HDL cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
46		Hóa chất định lượng LDL cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
47		Hóa chất định lượng HbA1c (Control) cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
54		Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho máy sinh hóa tự động (Control HDL, LDL)	≥ 5 ml	hộp	

55		Hóa chất mẫu chuẩn mức 2 HDL, LDL (Calib HDL, LDL) cho máy sinh hóa tự động	$\geq 5\text{ml}$	hộp	
48		Hóa chất hiệu chuẩn HbA1c (Calibrator) cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
49		HbA1C thuốc thử cho máy sinh hóa tự động	01 bộ trong 01 hộp	hộp	
50		Hóa chất đo Fushin dùng cho xét nghiệm lao		lít	
51		Cồn Acid 3%		lít	
52		Xanh Methylen dùng cho xét nghiệm lao	Xanh Methylen 3%/ $\geq 500\text{ml}$	Chai	
53		Giemsa dùng cho xét nghiệm lao	chai $\geq 500\text{ml}$	Chai	

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

02 Phạm Văn Đồng, khu phố Long Hải Bắc, phường Xuân Yên, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Yêu cầu về vận chuyển: Chi phí vận chuyển nhà thầu chịu trách nhiệm.

Bảo quản thiết bị y tế: theo đúng yêu cầu nhà sản xuất/ chủ sở hữu cho từng thiết bị.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 365 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ths.BS Nguyễn Quốc Đạt

Mẫu báo giá
Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm
linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản
xuất, nhà cung cấp**
(Ký tên, đóng dấu)